

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-PT

Ngày 23-3-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nông Hà Nam

*Các thẩm phán:*

Bà Nguyễn Thị Như

Bà Nguyễn Thị Vân Khánh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ma Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Nha – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2020/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2020/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Lê Thị Hồng T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số nhà 067, tổ 31, phường HG, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Phạm Ngọc K – Văn phòng Luật sư H – Đoàn Luật sư tỉnh T. Địa chỉ: Số nhà 53, tổ 11, phường C, thành phố T, tỉnh T. Có mặt.

**- Bị đơn:** Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ 22, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

*Người được ủy quyền của bị đơn:* Bà Nguyễn Hải Y.

Địa chỉ: Phòng 1301, Tòa nhà B11B, khu đô thị N, phường T, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Đỗ Thị Thu G – Công ty Luật A – Đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ: Phòng 1301, Tòa nhà B11B, khu đô thị N, phường T, quận C, thành phố H. Có đơn đề nghị xử vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Chu Xuân Th, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số nhà 067, tổ 31, phường HG, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. Bà Lê Hồng Ng, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số nhà 26, tổ 11, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

3. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số nhà 001, tổ 4, phường Tân G, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Lê Văn T

Địa chỉ: Tổ 17, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

2. Bà Nông Thị Hằng.

Địa chỉ: Tổ 24, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Hoàng Thị Thu H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 02/10/2018, bản tự khai và tại phiên tòa bà Lê Thị Hồng T trình bày:

Tôi Lê Thị Hồng T và bà Hoàng Thị Thu H có mối quan hệ quen biết và tin tưởng nhau, bà H có đặt vấn đề vay tôi một khoản tiền và tôi cho bà H vay. Lãi suất thỏa thuận và cùng nhau ký vào sổ theo dõi quá trình diễn biến cho vay gồm 06 lần như sau:

Lần 1: Ngày 20/9/2011 cho bà H vay 200.000.000 VNĐ (Hai trăm triệu đồng chẵn).

Lần 2: Ngày 17/11/2011 cho bà H vay 500.000.000 VNĐ (Năm trăm triệu đồng chẵn)

Lần 3: Ngày 25/11/2011 cho bà H vay số tiền 500.000.000 VNĐ (Năm trăm triệu đồng chẵn) bà H chị gái lấy hộ.

Lần 4: Ngày 25/11/2011 cho bà H vay số tiền 500.000.000 VNĐ (Năm trăm triệu đồng chẵn).

Lần 5: Ngày 02/12/2011 cho bà H vay 400.000.000 VNĐ (Bốn trăm triệu đồng chẵn).

Lần 6: Ngày 05/12/2011 cho bà H vay 400.000.000 VNĐ (Bốn trăm triệu đồng chẵn) bà H chị gái nhận hộ bà H.

Tổng cộng 06 lần số tiền bà H vay tôi là: 2.500.000.000 VNĐ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) và tôi đã viết giấy lấy của bà Hoàng Thị Thu H 700.000.000 VNĐ (Bảy trăm triệu đồng), giấy này bà H đang giữ.

Như vậy bà H vẫn còn nợ tôi là 1.800.000.000 VNĐ (Một tỷ tám trăm triệu đồng). Tôi đã nhiều lần yêu cầu bà H trả lại số tiền trên cho tôi nhưng bà H không trả, chứng tỏ bà H có dấu hiệu chiếm đoạt tài sản, chiếm đoạt số tiền của tôi đã cho bà H vay. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về tài sản của tôi, tôi có đơn khởi kiện này kính gửi Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, đề nghị quý tòa xem xét và giải quyết buộc bà H phải có nghĩa vụ trả số tiền cả gốc và lãi còn thiếu cho tôi theo quy định của pháp luật.

Trong bản tự khai ngày 03/11/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Hải Y là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Giữa bà Hoàng Thị Thu H và bà Lê Thị Hồng T có quen biết nhau tại địa phương và có nhiều lần làm việc với nhau trong việc kinh doanh, buôn bán hàng hóa. Trước năm 2011 bà H và bà T bắt đầu vay vốn làm ăn với nhau, vì đã nhiều lần vay mượn tiền nhau từ vài trăm triệu đến tiền tỷ mỗi lần nên giữa hai người có sự tin tưởng lẫn nhau, có lần việc vay mượn chỉ cần qua điện thoại hoặc nhờ người quen đến lấy hộ.

Quá trình vay mượn có lần ghi sổ lần không ghi, việc vay trả theo thỏa thuận từng lần vay đến nay rất nhiều lần nên bà H không nhớ chi tiết, những khoản bà H có ký nhận vay là tiền bà H đã nhận từ bà T. Vì mục đích vay mượn chủ yếu để hai bên phục vụ tiêu dùng cá nhân gấp hoặc vay giúp bạn bè nên giữa hai người chỉ vay ngắn ngày, đúng ngày hẹn là đã trả hết cả gốc và lãi. Đến nay đã lâu nên bà H cũng không nhớ chính xác lãi thỏa thuận là bao nhiêu, nếu nhớ được thêm chúng tôi sẽ có văn bản Th báo cho Tòa án. Việc vay mượn dựa trên tín chấp, nếu không trả đúng hạn lần vay trước thì những lần sau các bên sẽ không được vay tiền nhau nữa, vì vậy không có tài sản bảo đảm gì.

Việc vay mượn giữa hai người chồng bà H không biết, còn chồng bà T thì không biết có biết hay không, vì nhiều lần thấy bà T nói chồng bà T cầm sổ ghi nợ.

Bà H xác nhận là có việc vay mượn tiền của bà T vào năm 2011 nhưng đã trả hết toàn bộ, đến nay bà H không nhớ rõ chi tiết số tiền, có tự tay viết xác nhận vay tiền cho chị T, chỉ sau đó chậm nhất khoảng hai tháng sau khi vay là bà H đã trả hết cả gốc và lãi theo thỏa thuận, các khoản vay khác chỉ từ 10 đến 15 ngày là đã là phải thanh toán đủ. Như vậy chỉ trong năm 2011 là bà H đã trả hết số tiền vay này. Việc vay mượn hoàn toàn dựa trên niềm tin nên đến hạn trả tiền mà không yêu cầu bà T ký xác nhận, những lần trả nợ bà T nói sẽ tự gạch sổ, không trả những lần vay trước thì bà T không thể tiếp tục cho bà H vay được.

Sự việc vay tiền bà T đến năm 2011 chấm dứt, thì đến tháng 02/2012 bà H có cho bà T vay số tiền 500.000.000 VNĐ (Năm trăm triệu đồng) có giấy vay nợ bản gốc cung cấp cho Tòa án, ngoài ra ngày 23/02/2012 bà T lại vay bà H số tiền là 770.000.000 VNĐ, hiện tài liệu vay nợ này đang bị thất lạc nên chúng tôi sẽ cung cấp sau. Nhưng đến hạn bà T không trả được, nên cuối năm 2012 bà T đã phải sang nhà bà H khất nợ và có một số người bạn của bà H biết chuyện bà T qua khất nợ như bà Hà Thị Ng (SĐT: 0916518998), bà Nông Thị H (SĐT:).

Đến nay bà T hết khởi kiện bà H lại tố giác ra cơ quan công an. Tôi thấy vô cùng trái với đạo lý và mâu thuẫn với thực tiễn. Sự việc Bà H có vay mượn bà T hoàn toàn chấm dứt trong năm 2011 nên ngày 16/02/2012, bà T có vay lại bà H số tiền là 500.000.000 VNĐ (Năm trăm triệu đồng). Vì vậy bà H không đồng ý trả lại số tiền bà T khởi kiện tại Tòa án. Chúng tôi yêu cầu tòa án xem xét quy định về thời hiệu khởi kiện để giải quyết yêu cầu của bà T đúng quy định.

Tại Bản tự khai ngày 02/11/2019 ông Chu Xuân Th trình bày: Vào thời điểm năm 2011 vợ tôi là bà Lê Thị Hồng T có vay tiền của bà Nguyễn Thị Ng trú tại số nhà 33 phố B, phường HG, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng số tiền là 1 tỷ 850 triệu đồng, số tiền trên vợ tôi đã cho bà Hoàng Thị Thu H trú tại số

22, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng vay là 1 tỷ 800 triệu đồng. Hiện nay hàng tháng tôi và vợ tôi vẫn đang phải trả nợ khoản tiền trên cho bà Nguyễn Thị Ng. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, tôi đề nghị quý tòa buộc bà Hoàng Thị Thu H phải trả nợ cho gia đình tôi số tiền 1 tỷ 800 triệu đồng chẵn.

Tại giấy tờ khai ngày 28/6/2019 bà Lê Hồng Ng trình bày:

Tôi xin tự khai với tòa như sau: Năm 2012 tôi có vay tiền để làm ăn với chị Hoàng Thị Thu H, lần thứ lần thứ nhất số tiền là 500 triệu đồng chẵn vào ngày 16/2/2012, lần 2 là 770.000.000 triệu đồng chẵn. Do không có tài sản thế chấp chị T là chị gái của tôi đã đứng ra viết giấy vay nợ với chị H để vay số tiền trên. Chị T đã trực tiếp đứng ra trả cho chị H món vay 500 triệu đồng chẵn còn khoản tiền 770 triệu đồng tôi đã mang một con xe máy SH màu nâu biển kiểm soát 11X1 -2638, giấy tờ mang tên đăng ký là Trịnh Thị G do công an thành phố Cao Bằng cấp, sang nhà chị H để trừ nợ vào tiền vay chị T đã trực tiếp trừ số tiền nợ vào khoản tiền cho chị H vay chị T. Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai sót tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 7 năm 2020 và tại phiên tòa sơ thẩm bà Hoàng Thị H trình bày: Tôi là chị gái ruột của chị Hoàng Thị Thu H, theo tôi được biết thì giữa T và H có cho nhau vay mượn tiền rất nhiều lần lúc thì T cho H vay, lúc thì H cho T vay tiền. Bản thân tôi đã được cầm hộ tiền để đưa lại cho T và H rất nhiều lần. Tuy nhiên 02 mã vay thể hiện trong giấy tờ vay mượn của T cung cấp cho Tòa án đó là mã vay vào ngày 25/11/2011 với số tiền là 500.000.000đ và mã vay vào ngày 05/12/2011 với số tiền là 400.000.000đ tôi xác nhận đúng là bút tích và chữ ký của tôi. Sau khi nhận tiền từ chị T thì tôi đã đưa lại số tiền cho H. Tôi khẳng định 02 mã vay kể trên H đã trả nợ xong cho T. Bản thân tôi là người cầm tiền đến trả cho T nhưng khi đến thì không gặp T chỉ có mẹ đẻ của T và kế toán ở cửa hàng, tôi có gọi điện lại cho H thì H bảo tôi “T bảo cứ đưa tiền cho kế toán, hiện nay chìa khóa kết sắt chồng T cầm rồi, số vay nợ để trong kết sắt, tí T về sẽ biết tự gạch sổ”. Nên tôi cũng yên tâm đưa tiền cho kế toán và cô kế toán có ghi cho tôi một tờ giấy nhỏ, nội dung cụ thể ghi trong giấy nhỏ này đã lâu nên tôi không nhớ. Đại để là đã nhận đủ số tiền 400.000.000đ hay năm trăm triệu đồng gì đó. Do đã trả xong giúp số tiền cho H nên tôi nghĩ không cần thiết phải giữ lại tờ giấy nhỏ đó nữa. Nên tôi không có giấy tờ này để cung cấp cho Tòa án.

Tại Bản tự khai ngày 10/10/2019 ông Lê Văn T trình bày: Tôi tên là Lê Văn T, tôi là nhân viên của chị Lê Thị Hồng T. Khoảng tháng 9/2011 chị Hoàng Thị Thu H có đến ki-ốt của chị Lê Thị Hồng T, hai chị thảo luận vay tiền với nhau và lúc đó chị Hoàng Thị Thu H có nhờ tôi mang số tiền ra xe ô tô cho chị H (cụ thể số tiền là bao nhiêu tôi không được biết). Khoảng tháng 11/2011 chị Lê Thị Hồng T có nhờ tôi mang tiền sang nhà cho chị Hoàng Thị Thu H ở N qua nhà thi đấu đến khu biệt thự N (cụ thể số tiền bao nhiêu tôi không được biết).

Vụ án đã được hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 38/2020/DS-ST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đã:

Căn cứ vào các Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 2 và khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê thị Hồng T đối với chị Hoàng Thị Thu H theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2018.

Buộc chị Hoàng thị Thu H phải có trách nhiệm thanh toán cho chị Lê Thị Hồng T và anh Chu Xuân Th số tiền gốc đã vay là: 1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày án có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Chị Hoàng Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 66.000.000đ (Sáu mươi sáu triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Chị T không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2016/0000498 ngày 23/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng số tiền: 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/8/2020 bị đơn Hoàng Thị Thu H có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án dân sự sơ thẩm số 38/2020/DS-ST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Hoàng Thị Thu H giữ nguyên kháng cáo, đề nghị tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn Lê Thị Hồng T không nhất trí với kháng cáo của bị đơn, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án của Tòa án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Kháng cáo của bị đơn Hoàng Thị Thu H không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, bác kháng cáo của

bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 38/2020/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, nghe kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo và căn cứ kháng cáo của bị đơn Hoàng Thị Thu H:

Ngày 28/8/2020 bị đơn Hoàng Thị Thu H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 38/2020/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Tại đơn kháng cáo, bà H cho rằng Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không xem xét khách quan vụ án và có dấu hiệu vi phạm pháp luật, ngoài đơn kháng cáo, bà H không nộp thêm bất cứ tài liệu, chứng cứ gì.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận có sự việc vay mượn tiền và được thể hiện bằng văn bản, tuy nhiên giữa hai bên có sự tranh chấp về việc thanh toán các khoản vay với nhau, do đó Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản là có căn cứ.

Nguyên đơn Lê Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu bà Hoàng Thị Thu H thanh toán khoản vay 1.800.000.000đ. Trước đó hai bên đã có sự vay mượn thể hiện Th qua 06 lần vay, tổng cộng số tiền bà H vay của bà T là 2.500.000.000đ, bà T thừa nhận được vay của bà H số tiền 700.000.000đ, sau khi trừ khoản tiền vay trên, bà H còn nợ tổng cộng số tiền là 1.800.000.000đ. Bà H cho rằng đã thanh toán đầy đủ các khoản vay trên cho bà T, tuy nhiên lại không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện. Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị H cho rằng bà được bà H nhờ mang tiền đến trả cho chị T, tuy nhiên không đưa trực tiếp cho chị T mà lại đưa cho kế toán, bà cũng không rõ được nhờ đưa trả với số tiền là bao nhiêu. HĐXX xét thấy đây chỉ là lời trình bày không có căn cứ, lời khai của bà Hoa có sự mâu thuẫn, nội dung khai không thống nhất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận khởi kiện của bà Lê Thị Hồng T yêu cầu bà Hoàng Thị Thu H trả số tiền vay là 1.800.000.000đ là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của bà H, bà T phải thanh toán khoản tiền 1.970.000.000đ, trong đó có số tiền 500.000.000đ Thủy vay Huyền ngày 16/02/2012, HĐXX xét thấy quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, phía bị đơn không có yêu cầu phản tố, ngoài lời khai của bị đơn ra không cung cấp được chứng cứ gì khác để chứng minh do đó cấp sơ thẩm không xem xét đến nội dung này là có căn cứ. Tuy nhiên do nguyên đơn tự nguyện khấu trừ 700.000.000đ vào khoản tiền 2.500.000.000đ chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 1.800.000.000đ theo như đơn khởi kiện ban đầu và xác nhận có được vay bị đơn hộ em gái là bà Lê Thị Ng số tiền 770.000.000đ, số tiền 70.000.000đ đã được phía nguyên đơn và bà Ng gán nợ bằng xe máy SH

BKS 11F1 2638, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm người do bị đơn ủy quyền, người làm chứng không thừa nhận nội dung này, bị đơn không có mặt để đối chất làm rõ, lời khai của nguyên đơn phù hợp với chứng cứ mà phía bị đơn cung cấp (giấy vay tiền ngày 23/0/2012 vay 770.000.000 hện 15 ngày sau trả 270T... BL số 23 bản photo) do nguyên đơn tự nguyện trừ đi nên cấp sơ thẩm chấp nhận khoản tiền này cho phía bị đơn là có lợi cho bị đơn đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Phía bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu để giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm căn cứ Điều 2 Nghị quyết 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự; theo đó các tranh chấp về dân sự phát sinh trước ngày 01/01/2017 thì áp dụng quy định về thời hiệu theo Điều 159 và điểm h khoản 1 Điều 192 của Bộ luật dân sự năm 2011 để giải quyết, không chấp nhận đề nghị của phía bị đơn là có căn cứ.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn Hoàng Thị Thu H không có căn cứ, nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 471, 474, 476, 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 2 và khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Hoàng Thị Thu H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2020/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

#### **Xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng T đối với chị Hoàng Thị Thu H theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2018.

Buộc chị Hoàng Thị Thu H phải có trách nhiệm thanh toán cho chị Lê Thị Hồng T và anh Chu Xuân Th số tiền gốc đã vay là: 1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày án có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân*

*sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**2. Về án phí:**

Chị Hoàng Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 66.000.000đ (Sáu mươi sáu triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

Chị Hoàng Thị Thu H phải chịu 300.000đ ( Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0000821 ngày 10/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng.

Chị T không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2016/0000498 ngày 23/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng số tiền: 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- CCTHADS TP C;
- TAND TP C;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nông Hà Nam**